TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2022/DS-ST
Ngày 29 - 9 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán xe, hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dư Thị Út

2. Bà Khưu Liên Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Như – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 450/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán xe, hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đoàn Duy T**, sinh năm 1982; địa chỉ: Số A, khu nhà X, ấp C, xã Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Ông **Trần Quốc K**, sinh năm 1990, địa chỉ: Số B Lô B-đường N, tổ 1, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;

Đại diện theo ủy quyền của anh Trần Quốc K: Bà Nguyễn Việt Q.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Trần Thanh P**, sinh năm 1993, địa chỉ: đường N, Khu đô thị H, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Bà **Trần Thanh H**, sinh năm 1985, địa chỉ: Số A, khu nhà X, ấp C, xã Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Ông **Trần Minh C**, sinh năm 1956 và bà **Lâm Thu N**, sinh năm 1963;

cùng địa chỉ: Số B Lô B. đường N, khóm 1, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Chị **Giang Lư Kiều M**, sinh năm 1994; địa chỉ: Số X, khóm Y, phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Anh **Nguyễn Nhật D**, địa chỉ: xã Đ, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (nơi cư trú hiện nay: Không rõ).

- Anh **Nguyễn Trường Đ**, sinh ngày 22/02/2004; địa chỉ: Số K, khóm V, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông T, bà Q có mặt, ông P, bà H, ông C, bà N, D, anh Đ, chị M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Đoàn Duy T trình bày*:

Ngày 27/7/2020, ông Đoàn Duy T, bà Trần Thanh H và anh Trần Quốc K ký kết hợp đồng "*thỏa thuận nhận tiền và thỏa thuận mua bán đất*", theo thỏa thuận ông T và bà H đã trả cho anh K số tiền 66.000.000 đồng vào ngày 29/7/2020. Tuy ông T không trực tiếp giao tiền cho anh K nhưng đã giao cho anh Trần Thanh P số tiền 66.00.000 đồng để anh P đưa cho anh Trần Quốc K và anh K đã viết biên nhận mượn anh Trần Thanh P số tiền 66.000.000 đồng cùng ngày 29/7/2020. Ban đầu hai bên thỏa thuận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, do K hẹn trong 03 tháng hoàn thành thủ tục làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên cho ông T, bà H nhưng không làm được sổ nên hai bên thỏa thuận K đóng lãi cho ông T 5%/tháng, khi nào chuyển tên sang cho K xong thì tiếp tục hợp đồng mua chuyển nhượng. Từ khi nhận tiền đến nay K đã trả cho ông T 3.300.000 đồng sau đó không trả bất cứ khoản tiền nào. Nay ông Đoàn Duy T yêu cầu anh Trần Quốc K trả cho ông số tiền 66.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên kể từ 29/8/2020 đến khi trả xong các khoản tiền, lãi suất 5%/tháng. Ông T đồng ý hủy bỏ hợp đồng (biên bản thỏa thuận về việc nhận tiền và mua bán đất) ngày 27/7/2020.

Ngày 17/8/2020, ông Đoàn Duy T, bà Trần Thanh H và anh Trần Quốc K ký kết hợp đồng mua bán xe oto biển kiểm soát 94A-042.41 do bà Lâm Thu N đứng tên trên giấy đăng ký phương tiện giao thông. Ông T đã trả cho anh K số tiền 40.000.000 đồng nhưng anh K không thực hiện thỏa thuận giao xe, chuyển tên sở hữu. Nay ông T yêu cầu hủy bỏ hợp đồng mua bán xe vàanh K trả cho ông T số tiền 40.000.000 đồng. Việc anh K không giao xe như thoả thuận làm thiệt thòi quyền lợi cho ông T, chị H nên có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại nên ông yêu cầu anh K bồi thường thiệt hại trên số tiền đã nhận 40.000.000 đồng theo lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng kể từ ngày nhận tiền là 17/8/2020 đến khi trả xong các khoản tiền.

Ngày 22/8/2020 anh Trần Quốc K và anh Đoàn Duy T thỏa thuận mua

bán xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21, theo nội dung thỏa thuận anh K mua xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 giá 90.000.000 đồng, ông T đã nhận 10.000.000 đồng tiền đặt cọc của K đưa trực tiếp cho ông T và ông đã giao xe cho anh K quản lý sử dụng. Chữ viết trong hợp đồng là của ông T, dòng chữ có nội dung "*Bên mua xe, tôi đã đọc lại và hoàn toàn thống nhất các nội dung trên, cam kết thực hiện theo đúng các thỏa thuận trên nếu không tôi hoàn toàn trước pháp luật*" và chữ ký, chữ viết tên là của anh K ký và viết ra. Giấy tờ xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 mang tên chị Giang Lư Kiều M, M bán cho ông T theo hợp đồng mua bán xe ngày 10/02/2018 nhưng ông T chưa chuyển tên trên giấy đăng ký xe. Trường hợp K yêu cầu tiếp tục hợp đồng thì anh đồng ý tiếp tục hợp đồng và giao giấy tờ xe cho K, K phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền còn lại là 80.000.000 đồng, và lãi thỏa thuận do chậm giao tiền từ tháng 22/9/2020 đến khi thanh toán xong là 3%/tháng (tương ứng 2.400.000 đồng/tháng). Trường hợp ông K không mua xe nữa thì ông T yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe và anh K phải trả lại xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 cho ông T, ông T không đồng ý trả lại cho K tiền cọc 10.000.000 đồng.

Do các khoản tiền trên và việc giao dịch chỉ một mình anh K thực hiện, giao dịch nên ông T không yêu cầu vợ anh K trả khoản tiền này.

** Theo các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại đơn phản tố bị đơn anh Trần Quốc K và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Việt Q thống nhất trình bày*:

Anh K không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 66.000.000 đồng vì ông K không giao dịch với ông T mà giao dịch với anh Trần Thanh P. Chữ ký và chữ viết trong biên nhận ngày 29/7/2020 với P và biên bản thỏa thuận về việc nhận tiền và thỏa thuận mua bán nhà đất ngày 27/7/2020 anh K không xác định được có phải chữ ký của K khôngdo anh P đưa rất nhiều giấy tờ cho ông K ký tên.

Anh Trần Quốc K thống nhất hủy hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 94A-042.41 ngày 17/8/2020, đồng ý trả cho ông Đoàn Duy T số tiền 40.000.000 đồng và anh K xác định số tiền 40.000.000 đồng là tiền anh K vay của ông T chứ không phải là tiền bán xe như ông T trình bày. Do là hợp đồng vay không xác định lãi suất nên anh K đồng ý trả cho ông T tiền lãi từ ngày tiếp theo ngày vay là ngày 18/8/2020 đến khi trả xong các khoản tiền theo lãi suất 10%/năm. Anh K không đặt ra yêu cầu ông T trả giấy chứng nhận đăng ký xeô tô biển kiểm soát 94A-042.41 mà sẽ yêu cầu trong vụ án khác.

Ngoài ra tại đơn yêu cầu khởi kiện anh Trần Quốc K yêu cầu hủy bỏ thỏa thuận mua bán xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 ngày 22/8/2020 giữa ông T và anh K. Xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 ông K có nhận trực tiếp từ anh Đoàn Duy T, tuy nhiên anh K đã đưa cho anh P xe cùng ngày 22/8/2020 và hiện nay anh P quản lý xe, vì anh K không giữ xe và không giữ giấy tờ xe nên không thể giao lại xe cho ông T được. Anh K đồng ý trả cho ông T số tiền giá trị chiếc xe theo thỏa thuận mua bán là 90.000.000 đồng.

** Theo các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thanh H trình bày:* Bà H thống nhất các ý kiến của ông Đoàn Duy T và không có ý kiến khác.

** Theo các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trường Đ trình bày:* Anh Đ đã mua lại xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21, đã thanh toán tiền xong, giấy đăng ký xe anh Đ đứng tên và hiện nay đang quản lý chiếc xe trên nên không đồng ý giao xe cho ông Đoàn Duy T, ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Anh Nguyễn Nhật D, chị Giang Lư Kiều M, ông Trần Minh C, bà Lâm Thu N, ông Trần Thanh P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặtnên không ghi nhận ý kiến được.

Tại phiên tòa các đương sự giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Ông Đoàn Duy T rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và rút lại yêu cầu đòi anh K trả số tiền 66.000.000 đồng. Thay đổi yêu cầu khởi kiện xác định số tiền 40.000.000 đồng là tiền ông cho anh K vay và yêu cầu Tòa án giải quyết xem xét buộc anh K trả lãi từ ngày 18/8/2020, lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm và ông T yêu cầu tòa án tuyên bố hủy bỏ hợp đồng mua bán xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 ngày 22/8/2020, buộc anh K Trả cho ông T 80.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên tính từ ngày 22/9/2020 theo lãi suất 10%/năm, cụ thể bằng: 80.000.000 đồng x 24 tháng 7 ngày (24,2333 tháng) x 10%/ năm = 16.155.533 đồng

Anh Trần Quốc K rút lại yêu cầu phản tố đối với yêu cầu hủy hợp đồng mua mua bán xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 ngày 22/8/2020.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Duy T.

Tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 94A-042.41 ngày 17/8/2020 vô hiệu, buộc anh Trần Quốc K trả cho ông Đoàn Duy T số tiền 40.000.000 đồng và tiền lãi của số tiên trên tính từ ngày 18/8/2020 đến khi thanh toán xong các khoản tiền theo lãi suất 10%/ năm.

Hủy hợp đồng mua bán xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 ngày 22/8/2020, buộc anh Trần Quốc K trả cho ông Đoàn Duy T số tiền 80.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông T đối với anh K về tiền lãi của số tiền 80.000.000 đồng từ ngày 22/9/2020.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Trần Quốc K đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc mua mua bán xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 ngày 22/8/2020 giữa ông T và anh K vô hiệu.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Duy T đối với anh Trần Quốc K về việc yêu cầu anh K trả số tiền 66.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1]Về tố tụng: Nguyên đơn tranh chấp hợp đồng mua bán xe, hợp đồng vay tài sản với bị đơn nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn anh Trần Quốc K có nơi cư trú tại phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Về việc vắng mặt đương sự: Anh Nguyễn Nhật D, anh Nguyễn Trường Đ, chị Giang Lư Kiều M, ông Trần Minh C, bà Lâm Thu N, ông Trần Thanh P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai, bà Trần Thanh H có đơn yêu cầu vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xử phát vắng mặt các đương sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Các hợp đồng mua bán được hai bên thỏa thuận ký kết tháng 7 và tháng 8 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020, ông Đoàn Duy T khởi kiện tại Tòa án nên theo quy định tại Đều 132; Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn thời hiệu khởi kiện.

Về tư cách tố tụng của đương sự: Ông Đoàn Duy T và anh Trần Quốc K cùng có yêu cầu khởi kiện trong hai vụ án riêng biệt đều là nguyên đơn tuy nhiên đối tượng tranh chấp là 01 hợp đồng mua bán xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 ngày 22/8/2020 nên Tòa án đã ra quyết định nhập vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 120/2022/QĐ-DS ngày 28/4/2022 vào vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 450/2020/TLST-DS ngày 09/12/2020, do đó thay đổi tư cách tố tụng của anh Trần Quốc K là nguyên đơn thành bị đơn, yêu cầu khởi kiện của anh K thành yêu cầu phản tố.

[2]Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông Đoàn Duy T yêu cầu ông Trần Quốc K trả cho anh số tiền 66.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi của số tiền trên kể từ 29/8/2020 đến khi trả xong các khoản tiền, lãi xuất thỏa thuận 5%/tháng. Quá trình làm việc ghi lời khai ông T xác định ông T và ông K thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khóm 1, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lâm Thu N và ông Trần Minh C theo tại biên bản về việc nhận tiền và thỏa thuận mua bán đất ngày 27/7/2020. Tuy nhiên tại phiên tòa ông T xác định ông không chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà thực tế giao dịch là hợp đồng vay tài sản, ông K thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay số tiền 66.000.000 đồng. Phía ông K xác định anh K không vay tiền và không giao dịch với ông Đoàn Duy T mà chỉ giao dịch vay tiền với anh Trần Thanh P và trong trường hợp ông P yêu cầu thanh toán thì anh K đồng ý trả nợ cho ông P.

Xét thấy, ông Đoàn Duy T cung cấp 02 biên nhận, 01 biên nhận thể hiện ông P vay của ông T 66.000.000 đồng, 01 biên nhận anh K vay của ông P 66.000.000 đồng, anh K thừa nhận có vay tiền ông P nhưng không thừa nhận vay tiền ông T; đối với biên bản thỏa thuận về việc nhận tiền và mua bán đất ngày 27/7/2020 thì anh Trần Quốc K không thừa nhận chữ ký và ông Đoàn Duy T không chứng minh được anh Trần Quốc K vay tiền của ông. Tại phiên tòa ông Đoàn Duy T rút lại yêu cầu khởi kiện về phần này nên là sự tự nguyện của đương sự, không trái quy định pháp luật nên chấp nhận, đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của ông Đoàn Duy T.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0101407 do ông Trần Minh C đứng tên, anh K không yêu cầu ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong vụ án này, ông C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án cung cấp lời khai và không có yêu cầu gì trong vụ án này do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết việc buộc ông T trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong vụ án này. Ông C được quyền yêu cầu ông Đoàn Duy T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong vụ án khác.

[2.3] Đối với hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 94A-042.41 ngày 17/8/2020. Ông T yêu cầu anh Trần Quốc K trả cho ông T số tiền 40.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại trên số tiền đã nhận 40.000.000 đồng theo lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng kể từ ngày nhận tiền là 18/8/2020 đến khi trả xong các khoản tiền. Anh Trần Quốc K không đồng ý yêu cầu khởi kiện nhung anh xác định không bán xe cho ông T, việc ký hợp đồng mua bán xe để che dấu giao dịch vay tài sản giữa ông T, bà H và anh K. Xét thấy, anh K không phải là chủ sở hữu xe ô tô biển kiểm soát 94A-042.41, tại phiên tòa anh Thanh xác định lại ý kiến và thống nhất giao dịch là vay tài sản không phải mua bán xe, anh Thanh cho anh K vay tiền có biện pháp bảo đảm là thế chấp giấy đăng ký xe. Anh K thống nhất thanh toán gốc, lãi cho anh Thanh theo quy định pháp luật nên có đủ cơ sở xác định giao dịch thực tế là hợp đồng vay tài sản, giao dịch mua bán xe để che giấu giao dịch vay nên hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm

soát 94A-042.41 ngày 17/8/2020 vô hiệu, hợp đồng vay tài sản có hiệu lực pháp luật. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông T, anh K có nghĩa vụ trả cho anh Thanh, bà H số tiền gốc là 40.000.000 đồng.

Về lãi, theo hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 94A-042.41 ngày 17/8/2020vay không có thỏa thuận lãi và tại phiên tòa sơ thẩm các bên thống nhất về lãi suất là 10%/năm nên áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 anh K phải chịu tiền lãi của số tiền 40.000.000 đồng từ ngày tiếp theo của ngày vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất 10%/năm là 40.000.000 đồng x 10%/năm x 25 tháng 12 ngày (25,4) = 8.466.700 đồng.

Đối với giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 94A-042.41do bà Lâm Thu N đứng tên, anh K và ông T không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vay tài sản có biện pháp bảo đảm, anh K không yêu cầu ông T trả lại giấy đăng ký xe trong vụ án này, bà Lâm Thu N là người đứng tên giấy đăng ký xe đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án cung cấp lời khai và không có đơn yêu cầu độc lập trong vụ án này do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết buộc ông T trả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trong vụ án này. Bà N được quyền yêu cầu ông Đoàn Duy T trả lại giấy đăng ký xe trong vụ án khác.

[2.3] Về hợp đồng mua bán xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21, anh Trần Quốc K yêu cầu phản tố yêu cầu hủy bỏ hợp đồng và ông Đoàn Duy T yêu cầu công nhận hợp đồng này, xét thấy:

Quá trình Tòa án ghi lời khai, làm việc ông Đoàn Duy T xác định xe máy biển kiểm soát 94K1-633.21 nói trên ông T đã trả đủ cho chị Giang Lư Kiều M số tiền 50.000.000 đồng nhưng chị M vẫn đứng tên trên giấy đăng ký xe. Ngày 22/7/2021, Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu nhận được văn bản số 327/PC08-Đ3 của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh Bạc Liêu xác định chị Giang Lư Kiều M đã chuyển nhượng xe máy biển kiểm soát 94K1-633.21 cho anh Nguyễn Nhật D, sau đó D chuyển nhượng xe máy trên cho anh Nguyễn Trường Đ.

Căn cứ hồ sơ do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bạc Liêu cung cấp cho Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thể hiện: Ngày 22/01/2021 chị Giang Lư Kiều M làm hợp đồng bán xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 cho anh Nguyễn Nhật D với giá 60.000.000 đồng (có chứng thực chữ ký của Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu). Sau đó, anh Nguyễn Nhật D làm đơn cớ mất giấy chứng nhận đăng ký xe có xác nhận của Phó Trưởng Công an xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng là ông Phan Thanh Tuấn ký xác nhận ngày 28/01/2021; ngày 13/03/2021, chị Giang Lư Kiều M làm thủ tục thu hồi đăng ký, biển số xe với lý do thu hồi "*sang tên ngoài tỉnh*" đổi tên cho chủ sở hữu mới là Nguyễn Nhật D. Ngày 28/3/2021, anh Nguyễn Nhật D đã làm hợp đồng bán xe máy SH biển kiểm soát 94K1-633.21 cho anh Nguyễn Trường Đ với giá 10.000.000 đồng, hợp đồng được

Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng chứng thực. Tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 12/7/2021 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bạc Liêu xe đã đổi biển kiểm soát thành 94K2-189.19 do anh Nguyễn Trường Đ đứng tên.

Tại phiên tòa anh Trần Quốc K rút lại yêu cầu phản tố hủy bỏ hợp đồng đặt cọc mua bán xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 và xác định đồng ý trả 80.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, việc rút yêu cầu phản tố là sự tự nguyện của bị đơn vì vậy đình chỉ yêu cầu phản tố của anh K về phần này chỉ xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm cả anh K và ông T đều thống nhất hủy bỏ hợp đồng mua bán xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 ngày 22/8/2020, không yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng, ông T thống nhất không yêu cầu anh Trần Quốc K trả xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 mà chỉ yêu cầu trả số tiền còn thiếu theo hợp đồng mua bán xe là 80.000.000 đồng, anh K đồng ý trả số tiền này vì trên thực tế anh K đã nhận xe nên căn xứ Điều 422 và Điều 423 của Bộ luật dân sự năm 2015 có đủ cơ sở hủy bỏ hợp đồng đặt cọc mua bán xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 và buộc anh Trần Quốc K có nghĩa vụ thanh toán cho ông T và bà H số tiền 80.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu đòi tiền lãi của số tiền 80.000.000 đồng theo hợp đồng mua bán xe, tuy rằng hợp đồng có thỏa thuận lãi chậm trả là 3%/tháng tuy nhiên xét thấy hợp đồng mua bán xe không phải là hợp đồng vay, hợp đồng này vô hiệu cả nội dung và hình thức do ông T và ông K không thực hiện việc công chứng chứng thực, đóng thuế sang tên trên giấy đăng ký phương tiện tại cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời khi thực hiện giao dịch ông T không phải là chủ sở hữu của tài sản trên, giấy chứng nhận đăng ký xe vẫn đứng tên chị Giang Lư Kiều M nên theo đó anh Thanh không có quyền định đoạt tài sản trên, việc anh Thanh bán xe đứng tên chị M cho ông K là không hợp pháp; anh K biết ông T chưa phải là chủ sở hữu phương tiện nhưng vẫn đồng ý giao dịch mua bán và anh K có nghĩa vụ thanh toán tiền nhưng không T toán đầy đủ dẫn đến hợp đồng mua bán xe không thể thực hiện. Do đó, hai bên cùng có lỗi dẫn đến hợp đồng mua bán xe bị hủy bỏ. Hội đồng xét xử xét thấy chỉ xử lý hậu quả của hợp đồng bị hủy bỏ, ông K hoàn trả giá trị bằng tiền theo thỏa thuận cho anh Thanh và không đặt ra giải quyết về thiệt hại do hai bên cùng có lỗi. Từ nhận định trên không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tiền lãi bằng số tiền 16.155.533 đồng của ông Đoàn Duy T là phù hợp.

Đối với giấy chứng nhận đăng ký xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 ông Đoàn Duy T đang quản lý, chị Giang Lư Kiều M và anh Nguyễn Nhật D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không trình bày ý kiến; anh Trần Quốc K và anh Nguyễn Trường Đ không ai đặt ra xem xét giải quyết buộc ông Đoàn Duy T trả giấy tờ đăng ký xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 này nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Đối với hợp đồng mua bán xe giữa chị Giang Lư Kiều M và ông Đoàn

Duy T do chị M không đặt ra yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét giải quyết.

Đối với các hợp đồng mua bán xe giữa chị Giang Lư Kiều M và anh Nguyễn Nhật D và hợp đồng mua bán xe giữa anh Nguyễn Nhật D với anh Nguyễn Trường Đ do ông Đoàn Duy T đã rút lại yêu cầu nhận lại xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 và không yêu cầu giải quyết các hợp đồng trên, anh K rút lại yêu cầu phản tố, anh Đ không yêu cầu giải quyết về hợp đồng mua bán xe, chị M, D đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, phiên họp nhưng không trình bày ý kiến nên không đề cập giải quyết đối với các hợp đồng nói trên trong vụ án này.

Đối với trình tự, thủ tục mua bán và cấp giấy đăng ký xe máy SH biển kiểm soát 94K1-633.21 sang cho anh Nguyễn Nhật D và sang cho anh Nguyễn Trường Đ do các đương sự không đặt ra yêu cầu trong vụ án này nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 1.200.000 đồng do yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Duy T chỉ được chấp nhận một phần nên ông Đoàn Duy T và ông Trần Quốc K mỗi người phải chịu ½ là 600.000 đồng, ông T đã dự nộp đủ số tiền này nên ông Trần Quốc K có nghãi vụ phải hoàn lại cho ông Đoàn Duy T 600.000 đồng.

[4] Về án phí:

Ông Trần Quốc K có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Duy T số tiền vay 40.000.000 đồng và lãi là 8.466.700 đồng và số tiền 80.000.000 đồng đối với hợp đồng mua bán xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 128.466.700 đồng (40.000.000 đồng + 80.000.000 đồng + 8.466.700 đồng) x 5% = 6.423.300 đồng.

Ông Đoàn Duy T và ông Trần Quốc K thống nhất hủy bỏ hợp đồng mua bán xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 nên mỗi bên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 150.000 đồng.

Ông Đoàn Duy T yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại hủy bỏ hợp đồng mua bán xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.155.533 đồng x 5% = 807.800 đồng.

Ông Đoàn Duy T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.350.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007383 ngày 08/12/2020 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu đối trừ ông T được hoàn lại 2.392.200 đồng.

Anh Trần Quốc K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, đối trừ anh K còn phải nộp tiếp 6.273.300 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 132; 357; 422, 423; 429; 440; 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26; khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện củaông Đoàn Duy T đối với ông Trần Quốc K.

1.1. Tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 94A-042.41 ngày 17/8/2020 giữa bà Trần Thanh H và anh Trần Quốc K vô hiệu.

Buộc ông Trần Quốc K có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Duy T và bà Trần Thanh H số tiền 40.000.000 đồng và lãi 8.466.700 đồng.

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, tuyên bố hủy bỏ hợp đồng đặt cọc mua bán xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 giữa ông Đoàn Duy T và ông Trần Quốc K.

Buộc ông Trần Quốc K có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Duy T và bà Trần Thanh H số tiền 80.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Duy T yêu cầu anh Trần Quốc K trả số tiền lãi của số tiền 80.000.000 đồng nói trên từ ngày 22/9/2020 đến 29/9/2022 là 16.155.533 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Duy T đối với anh Trần Quốc K về việc yêu cầu anh K trả số tiền 66.000.000 đồng và lãi của số tiền này.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Trần Quốc K đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc mua mua bán xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 ngày 22/8/2020 giữa ông T và anh K vô hiệu.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.200.000 đồng, ông Đoàn Duy T và ông Trần Quốc K mỗi người phải chịu ½ là 600.000 đồng, ông T đã dự nộp đủ số tiền này nên ông Trần Quốc K có nghĩa vụ phải hoàn lại cho ông T 600.000 đồng.

4. Về án phí:

Ông Trần Quốc K có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Duy T 128.466.700 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.423.300 đồng.

Ông Đoàn Duy T và ông Trần Quốc K thống nhất hủy bỏ hợp đồng đặt cọc mua bán xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 nên mỗi bên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 150.000 đồng.

Ông Đoàn Duy T yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại do hợp đồng mua bán xe SH biển kiểm soát 94K1-633.21 bị hủy bỏ không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 807.800 đồng.

Ông Đoàn Duy T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.350.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007383 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu, đối trừ ông T được hoàn lại 2.392.200 đồng

Anh Trần Quốc K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007519 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu, đối trừ anh K còn phải nộp tiếp 6.273.300 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống Đ hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
-CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
-Đương sự;
-Lưu HS.

Lâm Thị Tuyết Anh